

Bản án số: 72 /2019/DS-ST

Ngày 28-11-2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tiến.**

2. Ông **Nguyễn Văn Sanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28.11.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2019/TLST-DS ngày 13/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-DS ngày 11/09/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng TMCP S** - Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn N** - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Địa chỉ: 130-132 Bạch Đ, quận Hải C, thành phố Đà N. Theo giấy ủy quyền số 281/2019/UQ-CNĐN ngày 28/11/2019. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn D** - Địa chỉ: K323/5 Nguyễn Tri P, phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà N. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 11/04/2016, ông Nguyễn Văn D có ký với Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn 2,5%/ tháng (lãi suất 2,5%/tháng theo thông 710/TB-TTT của Sacombank ngày 31/12/2013); lãi quá hạn 3,75 %/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền: 14.000.000 đồng (ngày 30/4/2016 là 2.000.000 đồng và ngày 31/5/2016 là 12.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 10.735.000 đồng; Trong đó tiền gốc: 8.994.938 đồng, lãi và phí phát sinh: 1.740.062 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/6/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều kiện và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/11/2019, ông Nguyễn Văn D còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Nợ gốc : **5.872.076 đồng;**

Lãi quá hạn : **6.686.740 đồng;**

Tổng cộng : **12.558.816 đồng.**

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông D trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do vậy Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại TP Đ kính đề nghị quý Tòa thụ lý đơn khởi kiện và hỗ trợ Ngân hàng thu hồi nợ vay theo luật định tuyên buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP S tại TP Đ số tiền: Gốc **5.872.076 đồng;** Lãi quá hạn : **6.686.740 đồng;** Tổng cộng **12.558.816 đồng;** lãi tính đến ngày 28/11/2019 và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết số dư nợ trên.

-Bị đơn ông Nguyễn Văn D: Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông D đều vắng mặt; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại Địa chỉ K323/5 Nguyễn Tri P, phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà N là bị đơn nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết với ông Nguyễn Văn D vào ngày 11/4/2016 là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với Điều 116, 117, 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay với hình thức tín chấp, Ngân hàng cấp cho ông D với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông D vay số tiền là 14.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn là 3.75%/tháng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định ông D đã nhận đủ số tiền vay 14.000.000đ; vào ngày 31/01/2017 ông D chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 10.735.000; mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở bà Trang vẫn chạy lỳ và đến ngày 01/6/2017 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông D và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn; Tính đến ngày 28/11/2019 ông D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc **5.872.076 đồng**; Lãi **6.686.740 đồng** (Lãi trong hạn **4.457.827 đồng**, lãi quá hạn **2.228.913 đồng**); Tổng cộng **12.558.816 đồng** tính đến ngày 28/11/2019.

Như vậy, do ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 22, 23 trong hợp đồng tín dụng mà ông đã ký với Ngân hàng vào ngày 11/4/2016. Do đó yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên buộc ông D phải trả cho Ngân hàng số tiền vay tổng cộng **12.558.816 đồng**, trong đó gốc **5.872.076 đồng**; Lãi quá hạn **6.686.740 đồng**; lãi tính đến ngày 28/11/2019 và tiếp tục tính lãi từ ngày 29/11/2019 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký vào ngày 11/04/2016 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông D thanh toán xong khoản nợ. HĐXX xét có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Đối với Bị đơn ông Nguyễn Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông D nhưng ông vắng mặt không có lý do nên Tòa án

không ghi được lời khai, ý kiến của ông D . Do vậy, HĐXX xét thấy ông D phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

[3]. Về án phí: Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; ông Nguyễn Văn D phải chịu: **627.941 đồng** (*Sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi một đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng ;
- Áp dụng Điều 116, 117, 119, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 35, 39, 227; 266, 269 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí;

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại S G T T.

Xử: Buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là **12.558.816 đồng**; trong đó tiền gốc gốc **5.872.076 đồng**; Lãi quá hạn **6.686.740 đồng**; lãi tính đến ngày 28/11/2019.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 29/11/2019 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã ký vào ngày 11/04/2016 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi ông D thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu: **627.941 đồng** (*Sáu trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi một đồng*). Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí là **287.913 đồng** (*Hai trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm mười ba đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 7366 ngày 13/08/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

